BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 181/2013/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2013*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này áp dụng đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (dưới đây gọi chung là các dự án ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các loại thuế áp dụng đối với dự án ODA và dự án sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ theo hướng dẫn tại Thông tư này bao gồm: thuế xuất khẩu (XK), thuế nhập khẩu (NK), thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập cá nhân (TNCN), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và các loại thuế, phí và lệ phí khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc liên quan đến việc thực hiện chương trình, dự án quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ được sử dụng tại Thông tư này có nghĩa như đã được định nghĩa tại Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ. Ngoài ra, trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- "Nhà thầu chính" là các tổ chức, cá nhân trực tiếp ký hợp đồng với Chủ dự án ODA, vốn vay ưu đãi hoặc nhà tài trợ vốn cho dự án ODA, vốn vay ưu đãi để xây lắp công trình hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho dự án ODA, vốn vay ưu đãi. Nhà thầu chính bao gồm Nhà thầu chính nước ngoài và Nhà thầu chính Việt Nam.

- "Nhà thầu phụ" là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng trực tiếp với Nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc của hợp đồng Nhà thầu chính ký với Chủ dự án ODA, vốn vay ưu đãi hoặc nhà tài trợ vốn cho dự án ODA, vốn vay ưu đãi. Nhà thầu phụ bao gồm Nhà thầu phụ nước ngoài và Nhà thầu phụ Việt Nam.

Điều 4. Thực hiện các điều ước quốc tế

Trường hợp điều ước quốc tế (kể cả điều ước quốc tế về ODA, vốn vay ưu đãi) mà Chính phủ Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định về thuế liên quan đến việc thực hiện một dự án ODA, vốn vay ưu đãi cụ thể, khác với hướng dẫn tại Thông tư này thì việc áp dụng chính sách thuế đối với dự án ODA, vốn vay ưu đãi đó thực hiện theo các điều ước quốc tế đã ký kết.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
CHÍNH SÁCH THUẾ, ƯU ĐÃI THUẾ VÀ THỦ TỤC HOÀN THUẾ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN ODA VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI

Điều 5. Chính sách thuế đối với Chủ dự án

1. Thuế NK, thuế GTGT, thuế TTĐB đối với hàng hóa nhập khẩu

Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại, nhà thầu chính thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại được miễn thuế NK theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn, không phải nộp thuế TTĐB (nếu có), không chịu thuế GTGT đối với hàng hóa do Chủ dự án ODA, nhà thầu chính trực tiếp nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại.

Hồ sơ xuất trình với cơ quan hải quan nơi nhập khẩu hàng hóa theo quy định tại Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cơ quan hải quan tổ chức thực hiện việc không thu thuế NK, thuế TTĐB (nếu có), thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại.

2. Thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam.

a) Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại được hoàn lại số thuế GTGT đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam nếu hợp đồng ký với nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT và Chủ dự án không được Ngân sách Nhà nước cấp vốn để trả thuế GTGT. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp dự án được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì Chủ dự án không được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam không phân biệt hợp đồng ký với nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT hay không bao gồm thuế GTGT.

Ví dụ 1: Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại A đã được cấp có thẩm quyền duyệt ký hợp đồng thầu xây dựng công trình Bệnh viện Nhi với giá thầu chưa có thuế GTGT là 4 tỷ đồng và thuế GTGT là 400 triệu đồng (thuế suất 10%), tổng trị giá bao gồm cả thuế GTGT là 4,4 tỷ đồng. Ngoài ra, Chủ dự án nói trên được phê duyệt để ký hợp đồng thầu mua hàng hóa, dịch vụ khác với giá thầu chưa có thuế GTGT là 100 triệu đồng và thuế GTGT là 10 triệu đồng, tổng giá trị bao gồm cả thuế GTGT là 110 triệu đồng.

- Trường hợp 1: Chủ dự án không được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để thanh toán thuế GTGT:

Chủ dự án ODA nói trên được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả cho hợp đồng xây dựng công trình và các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ trong nước là 410 (400 + 10) triệu đồng.

- Trường hợp 2: Chủ dự án được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để thanh toán thuế GTGT:

Chủ dự án ODA nói trên không được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả cho hợp đồng xây dựng công trình và các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ trong nước; kể cả trong trường hợp hợp đồng ký với nhà thầu chính với giá không bao gồm thuế GTGT.

b) Trường hợp nhà tài trợ thành lập văn phòng đại diện của nhà tài trợ tại Việt Nam và trực tiếp mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại hoặc giao cho Chủ dự án ODA thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại thì nhà tài trợ được hoàn lại số thuế GTGT đã trả. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này.

Điều 6. Chính sách thuế đối với nhà thầu chính, nhà thầu phụ thực hiện dự án

1. Thuế NK, thuế XK, thuế TTĐB, thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu.

a) Nhà thầu chính, nhà thầu phụ nhập khẩu hàng hóa trong quá trình thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại nộp thuế NK, thuế TTĐB (nếu có), thuế GTGT theo quy định của Luật Thuế XK, thuế NK, Luật Thuế TTĐB, Luật Thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn hiện hành (trừ hàng hóa nhập khẩu của nhà thầu chính nêu tại Điều 5 Thông tư này).

b) Nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài được miễn thuế NK, không phải nộp thuế TTĐB (nếu có) và không chịu thuế GTGT đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải nhập khẩu vào Việt Nam theo phương thức tạm nhập, tái xuất để phục vụ thi công công trình của dự án ODA viện trợ không hoàn lại và được miễn thuế XK khi tái xuất.

Hồ sơ miễn thuế NK, không thu thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) khi nhập khẩu, miễn thuế XK khi tái xuất thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cơ quan hải quan tổ chức thực hiện việc miễn thuế NK, không thu thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) khâu nhập khẩu, miễn thuế XK khi tái xuất đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải tạm nhập, tái xuất để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại cho nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài.

Khi kết thúc thời hạn thi công công trình, dự án, nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài phải tái xuất hàng hóa nêu trên. Trường hợp nhượng bán tại thị trường Việt Nam phải được sự cho phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và phải khai nộp thuế NK, thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) đã được miễn trước đây ở khâu nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

Riêng đối với xe ôtô dưới 24 chỗ ngồi và xe ôtô có thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng tương đương xe ôtô dưới 24 chỗ ngồi không áp dụng việc miễn thuế NK, thuế TTĐB theo hình thức tạm nhập, tái xuất. Các nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài có nhu cầu nhập khẩu vào Việt Nam để sử dụng phải nộp thuế NK, thuế TTĐB theo quy định. Khi hoàn thành việc thi công công trình, dự án các nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài phải tái xuất ra nước ngoài số xe đã nhập và được hoàn lại thuế NK, thuế TTĐB theo quy định. Mức hoàn thuế và thủ tục hoàn thuế được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật thuế TTĐB, Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác đối với cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam.

a) Nhà thầu chính cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại phải nộp thuế GTGT (nếu hợp đồng ký bao gồm thuế GTGT), thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

b) Nhà thầu phụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho nhà thầu chính của dự án ODA viện trợ không hoàn lại phải nộp thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

c) Nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu nếu nhận thanh toán trực tiếp từ Nhà tài trợ thì nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài có trách nhiệm chuyển tiền thuế phải nộp cho Chủ dự án ODA hoặc nhà thầu chính nước ngoài để nộp thuế thay cho nhà thầu chính

nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

d) Trường hợp nhà thầu chính (không phân biệt nhà thầu chính là đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hay phương pháp trực tiếp) ký hợp đồng với Chủ dự án ODA hoặc Nhà tài trợ để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại với giá không bao gồm thuế GTGT và dự án không được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì nhà thầu chính được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án, Nhà tài trợ. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp dự án được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì nhà thầu chính không được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam không phân biệt hợp đồng ký giữa chủ dự án và nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT hay không bao gồm thuế GTGT. Nhà thầu chính phải khai, nộp thuế GTGT theo quy định của Luật Thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Ví dụ 2:

Công ty A ký hợp đồng với Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại để thực hiện dự án "Xây dựng công trình trường học" theo giá trúng thầu không bao gồm thuế GTGT.

- Trường hợp 1: Dự án không được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để thanh toán thuế GTGT:

Công ty A được hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho việc xây dựng công trình theo hợp đồng ký với Chủ dự án.

- Trường hợp 2: Dự án được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để thanh toán thuế GTGT:

Công ty A không được hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho việc xây dựng công trình theo hợp đồng ký với Chủ dự án. Công ty phải khai, nộp thuế GTGT theo quy định.

Nhà thầu chính phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ ký với Chủ dự án hoặc nhà tài trợ của dự án ODA viện trợ không hoàn lại. Trường hợp không hạch toán riêng được thuế GTGT đầu vào thì:

Trường hợp nhà thầu chính nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì không được hoàn thuế GTGT.

Trường hợp nhà thầu chính nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì nhà thầu chính thực hiện khai, khấu trừ, hoàn thuế GTGT theo quy định tại Luật Thuế GTGT, Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

e) Cá nhân làm việc cho nhà thầu chính, nhà thầu phụ phải nộp thuế TNCN theo quy định của pháp luật về thuế TNCN. Trường hợp cá nhân người nước ngoài được cơ quan chủ quản dự án ODA xác nhận là chuyên gia nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Điều 7. Chính sách thuế đối với cá nhân làm việc cho dự án

1. Cá nhân người Việt Nam, người nước ngoài làm việc cho dự án ODA và Ban quản lý dự án ODA thực hiện khai, nộp thuế TNCN theo quy định của pháp luật về thuế TNCN và pháp luật về quản lý thuế.

2. Trường hợp cá nhân là người nước ngoài được cơ quan chủ quản dự án cấp giấy xác nhận là chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi về thuế, phí theo quy định Quy chế Chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA ban hành kèm theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ thì được miễn thuế NK, thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có), lệ phí trước bạ và thuế TNCN.

Điều 8. Thủ tục, hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại, đại diện nhà tài trợ và nhà thầu chính thuộc diện được hoàn thuế GTGT

1. Thủ tục đăng ký thuế và cấp mã số thuế của Chủ dự án ODA, nhà tài trợ, nhà thầu chính thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Hồ sơ hoàn thuế GTGT, thời hạn kê khai thuế GTGT đầu vào, tổ chức tiếp nhận hồ sơ và thực hiện hoàn thuế GTGT thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tại hồ sơ hoàn thuế GTGT gửi cho cơ quan thuế, nhà thầu chính phải ghi rõ tên dự án ODA, tên Chủ dự án ODA và địa chỉ liên lạc của Chủ dự án ODA theo đường bưu điện.

3. Khi ban hành Quyết định hoàn thuế GTGT, thủ tục luân chuyển chứng từ được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Trường hợp Chủ dự án được ngân sách cấp phát từ nguồn vốn đối ứng để nộp thuế GTGT nhưng Chủ dự án làm thủ tục hoàn thuế GTGT thì khi được hoàn thuế GTGT, Chủ dự án phải nộp trả ngân sách nhà nước số thuế GTGT đã được hoàn theo quy định.

Trong quá trình xem xét hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với các dự án ODA nếu phát hiện nghi vấn cần phải kiểm tra trước hoặc sau hoàn thuế thì cơ quan thuế thực hiện theo các quy định của Luật Thuế GTGT, Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Mục 2
CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ CÁC ƯU ĐÃI VỀ THUẾ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN ODA VỐN VAY VÀ DỰ ÁN VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 9. Chính sách thuế đối với Chủ dự án

1. Thuế NK, thuế GTGT, thuế TTĐB đối với hàng hóa nhập khẩu.

Chủ dự án ODA vốn vay, vốn vay ưu đãi trực tiếp nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu thực hiện nghĩa vụ thuế NK, thuế GTGT, thuế TTĐB theo quy định của Luật Thuế XK, thuế NK, Luật Thuế GTGT, Luật Thuế TTĐB và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam.

Chủ dự án ODA vốn vay, vốn vay ưu đãi khi mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT theo quy định tại Luật Thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 10. Chính sách thuế đối với nhà thầu chính, nhà thầu phụ thực hiện dự án

1. Thuế NK, thuế XK, thuế TTĐB, thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu.

a) Nhà thầu chính, nhà thầu phụ nhập khẩu hàng hóa trong quá trình thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án ODA vốn vay, vốn vay ưu đãi nộp thuế NK, thuế TTĐB (nếu có), thuế GTGT, theo quy định của Luật Thuế XK, thuế NK, Luật Thuế TTĐB, Luật Thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài được miễn thuế NK, không phải trả thuế TTĐB (nếu có) và không chịu thuế GTGT đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải nhập khẩu vào Việt Nam theo phương thức tạm nhập, tái xuất để phục vụ thi công công trình, dự án ODA vốn vay và được miễn thuế XK khi tái xuất như hướng dẫn tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

Hồ sơ miễn thuế NK, không thu thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) khi nhập khẩu, miễn thuế XK khi tái xuất thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Riêng đối với xe ôtô dưới 24 chỗ ngồi và xe ôtô có thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng tương đương xe ôtô dưới 24 chỗ ngồi không áp dụng việc miễn thuế NK, thuế TTĐB theo hình thức tạm nhập, tái xuất. Các nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài có nhu cầu nhập khẩu vào Việt Nam để sử dụng phải nộp thuế NK, thuế TTĐB theo quy định. Khi hoàn thành việc thi công công trình, dự án, các nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài phải tái xuất ra nước ngoài số xe đã nhập và được hoàn lại thuế NK, thuế TTĐB theo quy định. Mức hoàn thuế

và thủ tục hoàn thuế được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải theo phương thức tạm nhập, tái xuất để thực hiện dự án vốn vay ưu đãi phải thực hiện nghĩa vụ thuế NK, thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) theo quy định; khi hoàn thành việc thi công công trình, dự án, phải tái xuất ra nước ngoài và được hoàn lại thuế nhập khẩu, thuế TTĐB theo quy định.

2. Thuế GTGT, thuế TNDN, và các loại thuế, phí, lệ phí khác đối với cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam.

a) Nhà thầu chính cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Chủ dự án ODA vốn vay, vốn vay ưu đãi phải nộp thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

b) Nhà thầu phụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho nhà thầu chính của dự án ODA vốn vay, vốn vay ưu đãi nộp thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

c) Nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu nếu nhận thanh toán trực tiếp từ Nhà tài trợ thì nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài có trách nhiệm chuyển tiền thuế phải nộp cho Chủ dự án ODA vốn vay, vốn vay ưu đãi hoặc nhà thầu chính nước ngoài để nộp thuế thay cho nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Luật Thuế GTGT, Luật Thuế TNDN, Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

d) Nhà thầu chính cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Chủ dự án ODA vốn vay, vốn vay ưu đãi không được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án ODA vốn vay, vốn vay ưu đãi như hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này. Nhà thầu chính sẽ được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nếu đáp ứng các điều kiện, thủ tục theo hướng dẫn tại Luật Thuế GTGT, Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

e) Cá nhân làm việc cho Nhà thầu chính, Nhà thầu phụ phải nộp thuế TNCN theo quy định của pháp luật về thuế TNCN. Trường hợp cá nhân người nước ngoài được cơ quan chủ quản dự án xác nhận là chuyên gia nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Điều 11. Chính sách thuế đối với cá nhân làm việc cho dự án

1. Cá nhân người Việt Nam, người nước ngoài làm việc cho dự án ODA vốn vay, vốn vay ưu đãi và Ban quản lý dự án ODA vốn vay, vốn vay ưu đãi thực hiện nghĩa vụ thuế TNCN theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

2. Các ưu đãi về thuế, phí đối với chuyên gia nước ngoài làm việc cho dự án ODA vốn vay (trừ vốn vay ưu đãi) thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Mục 3
CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ CÁC ƯU ĐÃI VỀ THUẾ ĐỐI VỚI DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN TỪ NHIỀU HÌNH THỨC TÀI TRỢ KHÁC NHAU

Điều 12. Chính sách thuế đối với dự án sử dụng nguồn vốn từ nhiều hình thức tài trợ khác nhau (ODA và vốn vay ưu đãi)

Đối với dự án sử dụng nguồn vốn từ nhiều hình thức tài trợ khác nhau, nếu các nguồn vốn được tài trợ theo Hiệp định tài trợ riêng hoặc được giải ngân riêng cho từng hoạt động cụ thể của dự án thì chính sách thuế được áp dụng riêng cho từng loại nguồn vốn được hướng dẫn tại Thông tư này.

Trường hợp không có Hiệp định tài trợ riêng hoặc giải ngân riêng cho từng hoạt động cụ thể của từng nguồn vốn thì chính sách thuế áp dụng đối với dự án thực hiện theo chính sách thuế của nguồn vốn có chính sách thuế kém ưu đãi nhất.

Điều 13. Hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA viện trợ không hoàn lại có một phần nguồn vốn trong nước

Trường hợp dự án ODA viện trợ không hoàn lại có cơ cấu vốn một phần là nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại, một phần là vốn đối ứng từ Ngân sách nhà nước, vốn đóng góp của nhân dân (phần vốn này được quy định để thực hiện một phần công việc của dự án nhưng không được quy định để trả thuế GTGT) thì Chủ dự án hoặc nhà thầu chính được hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ được mua từ phần nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại để phục vụ dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 6 Thông tư này, không được hoàn thuế GTGT đối với phần hàng hóa dịch vụ mua bằng nguồn vốn đối ứng từ NSNN và vốn đóng góp của nhân dân. Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại, nhà thầu chính phải hạch toán riêng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ được mua từ nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại, nếu không hạch toán riêng được thì Chủ dự án không được hoàn thuế GTGT, nhà thầu chính sẽ được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

Ví dụ 3:

Dự án ODA viện trợ không hoàn lại A có cơ cấu vốn gồm 90% là vốn viện trợ của Chính phủ Bỉ, 10% là vốn đối ứng trong nước và vốn đóng góp của nhân dân được quy định dùng để chi trả các chi phí như: chi phí kiểm tra giám sát, chi phí điện nước, trả lương, phụ cấp, cơ sở vật chất ban đầu... nhưng không được quy định để trả thuế GTGT cho phần giá trị hàng hóa, dịch vụ được mua từ nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại. Chủ dự án hoặc nhà thầu chính thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT đã trả đối với giá trị hàng hóa, dịch vụ được mua từ nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại theo quy định tại khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6 Thông tư này nếu Chủ dự án, nhà thầu chính hạch toán riêng được số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ được mua từ nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại và không được hoàn thuế GTGT đối với phần hàng hóa, dịch vụ được mua bằng nguồn vốn đối ứng trong nước và vốn đóng góp của nhân dân để phục vụ dự án; nếu Chủ dự án hoặc nhà thầu chính không hạch toán riêng được số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ được mua từ nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại thì Chủ dự án không được hoàn thuế GTGT, nhà thầu chính sẽ được khấu trừ, hoàn thuế GTGT theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Chủ dự án, nhà thầu chính, nhà thầu phụ về việc thực hiện nghĩa vụ thuế trong quá trình thực hiện dự án ODA, vốn vay ưu đãi

1. Hàng hóa, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải nhập khẩu hoặc tạm nhập, tái xuất để thực hiện dự án ODA, vốn vay ưu đãi đã được miễn thuế NK, thuế TTĐB, thuế GTGT nêu tại Điều 5, Điều 6 và Điều 10 Thông tư này nếu sử dụng vào mục đích khác với mục đích được miễn thuế NK, thuế TTĐB, thuế GTGT hoặc nhượng bán tại thị trường Việt Nam hoặc tiêu hủy tại Việt Nam phải được sự cho phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chủ dự án, nhà thầu chính, nhà thầu phụ phải nộp thuế NK, thuế TTĐB đã được miễn, đồng thời phải nộp thuế GTGT theo quy định.

Hồ sơ, thủ tục nộp thuế NK, thuế TTĐB và kê khai, nộp thuế GTGT thực hiện theo hướng dẫn tại Luật thuế NK, thuế XK, Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp Chủ dự án ODA là các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp không kinh doanh, khi được phép nhượng bán hàng hóa đã mua để thực hiện dự án ODA, vốn vay ưu đãi

hoặc thanh lý tài sản tại thị trường Việt Nam, Chủ dự án sử dụng hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Cung cấp tài liệu phục vụ quản lý thuế dự án ODA, vốn vay ưu đãi: Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi ký hợp đồng xây lắp công trình, cung cấp hàng hóa, dịch vụ với các nhà thầu chính nước ngoài, các Chủ chương trình, dự án ODA, vốn vay ưu đãi phải gửi một bản sao hợp đồng (có đóng dấu và chữ ký xác nhận của người có thẩm quyền của Chủ chương trình, dự án) cho cơ quan thuế địa phương nơi đặt văn phòng điều hành dự án và cơ quan thuế nơi có công trình xây dựng của dự án ODA, vốn vay ưu đãi (đối với trường hợp công trình xây dựng của dự án ODA, vốn vay ưu đãi ở địa phương khác với địa phương đặt văn phòng điều hành dự án ODA, dự án vay ưu đãi). Trường hợp nếu hợp đồng được ký kết bằng tiếng nước ngoài thì gửi bản tóm tắt hợp đồng bằng tiếng Việt Nam với những nội dung chính bao gồm các chỉ tiêu: phạm vi công việc, giá trị hợp đồng (kể cả phụ lục chi tiết cấu thành giá trị hợp đồng - nếu có), phương thức thanh toán, thời hạn hợp đồng, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên tham gia ký hợp đồng. Chủ dự án ODA, vốn vay ưu đãi chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung gửi cho cơ quan thuế.

3. Xác định hình thức cung cấp ODA và chính sách thuế áp dụng: căn cứ để áp dụng chính sách thuế như hướng dẫn tại Thông tư này là quyết định đầu tư, phê duyệt dự án ODA của cơ quan chủ quản chương trình, dự án ODA và hướng dẫn hình thức cung cấp ODA tại Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ. Trường hợp tại quyết định đầu tư, phê duyệt dự án ODA không ghi rõ hình thức cung cấp ODA là ODA viện trợ không hoàn lại hoặc ODA vốn vay, ODA hỗn hợp thì Chủ dự án ODA hoặc nhà thầu chính phải bổ sung văn bản của cơ quan chủ quản chương trình, dự án ODA xác định rõ hình thức cung cấp ODA của dự án. Riêng đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (chương trình, dự án quan trọng quốc gia; Chương trình kèm theo khung chính sách và chương trình, dự án trong lĩnh vực an ninh quốc phòng) thì phải có văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác nhận hình thức cung cấp ODA của dự án.

4. Thực hiện nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này.

5. Thông báo với các nhà thầu chính ký hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ với Chủ dự án ODA, vốn vay ưu đãi về chính sách thuế và các ưu đãi về thuế mà nhà thầu có nghĩa vụ thực hiện và được hưởng.

6. Lập kế hoạch tài chính: Chủ dự án ODA, vốn vay ưu đãi phải tính đủ các khoản thuế như hướng dẫn tại Thông tư này phát sinh trong quá trình thực hiện toàn bộ dự án trước khi trình các cơ quan chủ quản chương trình, dự án ODA, vốn

vay ưu đãi phê duyệt dự án hoặc kết quả đấu thầu. Chủ dự án ODA, vốn vay ưu đãi phải xác định số thuế NK, thuế TTĐB, thuế GTGT (trừ trường hợp không phải nộp hoặc được hoàn thuế GTGT) và các khoản phí, lệ phí khác phải trả, lập kế hoạch vốn đối ứng để có nguồn nộp các loại thuế phát sinh nêu trên. Đối với khoản thuế TNDN mà nhà thầu phải nộp được tính trong giá trị hợp đồng thầu, thuế TNCN tính trong chi phí tiền lương, không lập kế hoạch vốn đối ứng.

Việc lập kế hoạch tài chính thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Báo cáo với cơ quan tài chính quản lý tài chính của chương trình, dự án số thuế GTGT được hoàn theo văn bản hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với chương trình, dự án ODA của Bộ Tài chính.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan thuế

1. Hướng dẫn các Chủ dự án ODA, vốn vay ưu đãi, Nhà tài trợ, các nhà thầu chính, nhà thầu phụ thực hiện đăng ký thuế và kê khai, nộp thuế hoặc hoàn thuế (nếu có) theo đúng chế độ quy định, thông báo tài khoản, mục lục Ngân sách nộp các loại thuế.

2. Kiểm tra tờ khai thuế, kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu cần thiết để tính thuế.

3. Yêu cầu các Chủ dự án ODA, vốn vay ưu đãi, các nhà thầu chính, nhà thầu phụ cung cấp sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ và hồ sơ tài liệu khác có liên quan đến việc tính thuế, nộp thuế, hoàn thuế.

4. Ấn định số thuế phải nộp trong trường hợp các Chủ dự án ODA, vốn vay ưu đãi, các nhà thầu chính, nhà thầu phụ không kê khai đúng thời hạn quy định hoặc kê khai không đầy đủ, chính xác hoặc không cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin liên quan đến việc tính thuế.

5. Kiểm tra, thanh tra tình hình nộp thuế, quyết toán thuế, hoàn thuế của các Chủ dự án ODA, vốn vay ưu đãi, các nhà thầu chính, nhà thầu phụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Lập biên bản và xử lý các vi phạm về thuế trong thẩm quyền được pháp luật quy định.

7. Chịu trách nhiệm thi hành pháp luật về thuế, đảm bảo tính trung thực, chính xác và khách quan.

8. Xác nhận các khoản thuế đã nộp của các Chủ dự án ODA, vốn vay ưu đãi các nhà thầu chính, nhà thầu phụ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số thuế đã xác nhận.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 17/01/2014, thay thế Thông tư số 123/2007/TT-BTC ngày 23/10/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

Đối với các dự án ODA được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì việc xác định nghĩa vụ thuế, ưu đãi thuế thực hiện như hướng dẫn tại Thông tư số 123/2007/TT-BTC ngày 23/10/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đến khi kết thúc dự án.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn